

MẤY VẤN ĐỀ VỀ NGƯỜI BRAU CỦA VIỆT NAM TRONG QUAN HỆ VỚI ĐỒNG TỘC Ở LÀO VÀ CAMPUCHIA¹

TS. Trần Thị Hồng Yến
Hội Dân tộc học và Nhân học Việt Nam
Email: tranchucyen@yahoo.com

Tóm tắt: Brau là tộc người cư trú tập trung ở vùng biên giới của ba nước Đông Dương. Đây là dân tộc có mối quan hệ xã hội xuyên biên giới mạnh mẽ và chịu ảnh hưởng văn hóa của nhiều tộc người cận cư. Các nhóm địa phương của người Brau có một số đặc điểm chung về văn hóa, xã hội, nhưng cũng có những khác biệt. Người Brau Việt Nam vốn là bộ phận của cộng đồng Brau ở Lào và Campuchia, di cư sang Việt Nam từ thời Pháp thuộc. Hiện nay, họ cư trú ở làng Đắc Mé của xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, thuộc nhóm các dân tộc rất ít người nên được sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước. Tuy nhiên đến nay, sự hiểu biết về tộc người này còn hạn chế. Đây là nguyên nhân khiến các chính sách bảo tồn và phát huy văn hóa của tộc người này chưa thực sự hiệu quả. Trên cơ sở làm rõ các đặc điểm của người Brau ở Lào và Campuchia, bài viết nêu một số vấn đề đặt ra với người Brau ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tộc người Brau, Việt Nam, Lào, Campuchia.

Abstract: The Brau belong to an ethnic group residing mainly in the border areas of the three Indochina countries. This ethnic group has strong cross-border social relationships and is influenced by several neighbouring ethnic groups' cultures. Local Brau groups have some cultural and social characteristics in common, but there are also differences. The Vietnamese Brau were originally part of the Brau community in Laos and Cambodia, and they immigrated to Vietnam during the French colonial period. They reside in Dak Me village of Po Y commune, Ngoc Hoi district, Kon Tum province. As an ethnic minority with a very small population, they receive special attention from the State. However, knowledge about this ethnic group is still limited. This is the reason why policies to preserve and promote this ethnic group's culture are not effective. Based on clarifying the characteristics of Brau people in Laos and Cambodia, the article raises some issues facing Brau people in Vietnam today.

Keywords: Brau ethnic group, Vietnam, Laos, Cambodia, relations, raised issues.

Ngày nhận bài: 8/3/2024; ngày gửi phản biện: 11/3/2024; ngày duyệt đăng: 22/4/2024.

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ: “Biến đổi văn hóa tộc người Brau ở vùng biên giới tỉnh Kon Tum hiện nay”, do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Nguyễn Thị Tám làm chủ nhiệm (2023-2024).

Mở đầu

Người Brâu cư trú ở vùng cao nguyên biên giới ba nước Đông Dương, có vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế và an ninh, quốc phòng. Tại Việt Nam, người Brâu sống ở làng Đắc Mế của xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, chính là đồng tộc của cộng đồng Brâu ở Lào và Campuchia. Người Brâu ở ba nước Đông Dương có mối quan hệ xã hội xuyên biên giới phức tạp, có giao lưu văn hóa với các tộc người sống lân cận, trong lịch sử chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các tộc người có dân số đông (Lào, Thái, Khmer, Xơ Đăng, Gia Rai,...), bị tác động bởi cuộc chiến tranh Đông Dương và chế độ độc tài Khmer Đỏ. Với người Brâu ở Việt Nam, họ là tộc người có dân số rất ít: vào năm 2023, chỉ có 173 hộ/558 người², đời sống còn nhiều khó khăn. Do vậy, người Brâu ở Việt Nam đã và đang được Nhà nước quan tâm đặc biệt.

Đến nay, việc nghiên cứu về người Brâu ở Việt Nam vẫn hạn chế. Trên các trang thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và các công trình nghiên cứu của Viện Dân tộc học..., các kiến thức về tộc người Brâu còn sơ lược. Cụ thể, trong cuốn sách của Viện Dân tộc học xuất bản năm 1978 (Viện Dân tộc học, 2014) phần viết về người Brâu chỉ có 6 trang (tr. 382-387). Gần đây, tác giả Bùi Ngọc Quang có một số công trình nghiên cứu về người Brâu, tập trung vào chủ đề hôn nhân, gia đình (2000; 2013; 2021), cung cấp cho người đọc những hiểu biết chuyên sâu về khía cạnh này. Sau đó, Bùi Ngọc Quang cũng bổ sung thêm các chủ đề khác như kinh tế, xã hội, đời sống văn hóa, tín ngưỡng..., của người Brâu trong cuốn: *Các dân tộc ở Việt Nam* (2017, Tập 3, tr. 1144-1189). Nguyễn Thị Ngân và Tô Thị Thu Trang (2009) đã thực hiện đề tài “*Nghiên cứu văn hóa dân tộc Giẻ Triêng, Brâu phục vụ hoạt động Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam*”, đây là số ít công trình đề cập đến dân tộc Brâu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, các tư liệu của tác giả sử dụng trong đề tài chủ yếu kế thừa từ những công trình đã công bố.

Điềm qua những nghiên cứu chính trên đây về người Brâu cho thấy, số lượng công trình về người Brâu còn ít, nội dung sơ lược, nhiều vấn đề như lịch sử tộc người, quá trình tộc người, quan hệ tộc người trong nước và xuyên biên giới, biến đổi kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng..., còn chưa được nghiên cứu thấu đáo. Nguyên nhân là do địa bàn cư trú của người Brâu ở vùng núi xa xôi, khi điều kiện đất nước có chiến tranh, kinh tế khó khăn, các nhà nghiên cứu không thể tới đó để tìm hiểu. Mặt khác, có lẽ do người Brâu là một nhóm nhỏ, chuyển cư từ Lào sang Việt Nam chỉ khoảng vài chục người, thời gian đến Việt Nam lại chưa lâu (khoảng 150 năm) nên chưa dành được sự chú ý của chính quyền địa phương và các nhà nghiên cứu. Sau năm 1986, kinh tế ngày càng phát triển, việc đi lại dễ dàng hơn. Vùng biên giới ba nước Đông Dương thuộc tỉnh Kon Tum nhanh chóng đô thị hóa, cửa khẩu được mở rộng để giao thương, lượng người qua lại vùng biên giới tăng lên, các công trình xây dựng nhà cửa, đường sá mọc lên san sát khiến vùng đất này trở nên năng động hơn. Đặc biệt, năm

² Số liệu Ủy ban nhân dân xã Pờ Y cung cấp tháng 8/2023.

1991, được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, người Brâu đã di chuyển từ rừng ra sống ở vùng thấp tại làng Đắc Mế, xã Pờ Y ngày nay. Trong bối cảnh đó, một số tác giả lo ngại về sự suy giảm dân số, văn hóa của người Brâu đã lên tiếng trên báo chí³. Từ đây, tộc người này dành được sự chú ý của Nhà nước, chính quyền địa phương và một số nhà nghiên cứu.

Do lo ngại trước làn sóng đô thị hóa và hội nhập quốc tế, Chính phủ Việt Nam đã và đang dành sự chú ý đặc biệt nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người Brâu. Những vấn đề như dân số bị “suy giảm nhanh chóng”, bản sắc văn hóa của người Brâu có thể bị “hòa tan” vào các tộc người khác là nguyên nhân khiến Chính phủ ban hành nhiều chính sách và đầu tư nguồn tài chính, vật lực đáng kể dành cho người Brâu. Tuy nhiên, do sự hiểu biết chưa thật đầy đủ về tộc người này nên việc bảo tồn gặp không ít khó khăn. Trên thực tế, có hạng mục Nhà nước thực hiện nhưng không mang lại hiệu quả, thậm chí bảo tồn không đúng với văn hóa của họ. Chẳng hạn, ngôi nhà rông hiện nay của người Brâu được chính cộng đồng Brâu cho rằng không giống với nhà rông truyền thống của họ, hay việc đưa người Brâu về sinh sống ở vùng thấp với kinh tế chính là nông nghiệp lúa nước đã không giải quyết tận gốc vấn đề đói nghèo, dẫn đến một số hộ dân bán nhà, bán ruộng, quay về nơi ở cũ, hoặc nhiều người trẻ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội, buôn bán chất cấm phải vào tù,...

Để có sự hiểu biết sâu rộng về người Brâu ở Việt Nam, cần có những nghiên cứu chuyên sâu về tộc người này từ nguồn gốc lịch sử, đặc điểm tộc người, kinh tế, văn hóa, xã hội trong mối tương quan với cộng đồng người Brâu ở Đông Dương. Hay nói cách khác, cần nghiên cứu người Brâu ở Việt Nam gắn với sự hiểu biết về cộng đồng Brâu ở Lào và Campuchia. Điều này vô cùng quan trọng bởi người Brâu ở Việt Nam trước khi di cư sang Việt Nam là một bộ phận của người Brâu ở hai nước nói trên. Hơn nữa, thời gian họ di cư sang Việt Nam chưa lâu nên hiểu biết về nguồn cội, văn hóa của họ là rất cần thiết. Bài viết này trình bày khái quát về cộng đồng người Brâu ở Lào, Campuchia và một số vấn đề đặt ra đối với người Brâu ở Việt Nam, dựa trên cơ sở kế thừa một số nghiên cứu quốc tế về người Brâu và khảo sát thực địa về người Brâu Việt Nam ở làng Đắc Mế vào tháng 8/2023.

1. Đặc điểm tộc người của người Brâu ở Lào và Campuchia

1.1. Về địa bàn cư trú

Có nhiều giả thuyết khác nhau về địa bàn sinh sống xa xưa của người Brâu. Trong đó nổi lên hai giả thuyết chính là: (1) Người Brâu và các cư dân khác của dãy Trường Sơn xuất phát từ vùng biển Việt Nam lên vùng cao sinh sống do áp lực của người Chăm, Khmer và người Việt. Thuyết này dựa trên thực tế là một số nhóm người vùng cao có truyền thuyết liên kết họ với biển và với một quan điểm giả định rằng, con người sẽ không muốn sống ở vùng núi trừ khi bị buộc phải làm như vậy (Méry, 1959); (2) Theo cuốn *Các dân tộc ở Lào* thì

³ Tiêu biểu là bài viết của tác giả Vĩnh Quyên: “Rơ-măm và Brâu họa diệt chủng”, đăng trên báo Lao Động ngày 26/07/1992, Số 28/1992.

những người Brâu lớn tuổi sống ở tỉnh Attapeu cho rằng tổ tiên của họ di cư từ phía bắc Lào qua Cánh đồng Chum ở tỉnh Xiêng Khoảng và định cư dọc các sông Sekong, Sekamarn, Sesoo tại điểm giao nhau giữa biên giới các nước Lào, Campuchia và Việt Nam (LFNC, 2005, tr. 154).

Nhà nghiên cứu Baird đã có hơn 20 năm nghiên cứu về tộc người Brâu ở Lào và Campuchia. Ông đã gặp gỡ những người Brâu lớn tuổi ở Lào và được họ giải thích rằng: người Brâu tin rằng họ phải đến từ phía Bắc Lào bởi có câu chuyện sử thi “Meut moonan Groong Yoong” (trong tiếng Lào gọi là “lam Cheuang”). Câu chuyện sử thi trên không cho biết nhiều về nguồn gốc của người Brâu, nhưng nó rất có ý nghĩa trong văn hóa Brâu và việc hình thành những địa danh nơi người Brâu sinh sống. Nhiều phong cảnh nơi họ sinh sống hiện nay đều có địa danh tên gọi liên quan đến truyền thuyết này⁴ (Baird, 2008, tr. 86). Nhưng có nghiên cứu khác cũng cho rằng, có nhiều dân tộc trong cùng khu vực, bao gồm người Ê Đê (Rhade), Harak (Alak) và Jru (Laven)..., đều có những truyền thuyết kể rằng ban đầu họ đến từ phía bắc (Méry, 1959). Theo ý kiến chung của nhiều nhà nghiên cứu thì vùng đất Nam Lào và Đông Bắc Campuchia là địa bàn sinh sống rất lâu đời của người Brâu. Đó là một khu vực khá rộng lớn, phía bắc bắt đầu từ tỉnh Attapeu của Lào, kéo dài về phía nam đến Ban Lung thuộc Ratanakiri của Campuchia, phía đông đến khu vực Đắc Tô và phía tây đến bờ sông Sekong (Xem Bản đồ 1).

Người Brâu thích sống ở những khu vực dốc, có độ cao từ 400-800m so với mực nước biển. Đó là những vùng miền núi tương đối xa xôi, khu vực có rừng rậm. Làng của họ được dựng lên trong các thung lũng có núi non bao quanh, bên cạnh có sông, suối chảy qua. Người Brâu ở Lào và Campuchia thường sống theo các nhóm nhỏ và những nhóm này lấy tên của sông, suối, núi hoặc các đặc điểm tự nhiên nơi họ sinh sống. Mỗi nhóm nhỏ bao gồm 2-6 ngôi làng, nơi dân cư thường nói cùng một phương ngữ. Hầu hết người Brâu canh tác nương rẫy, săn bắn, đánh cá và thu hái các sản phẩm từ thiên nhiên để sinh sống. Họ sống gần gũi và liên kết chặt chẽ với thiên nhiên. Tri thức địa phương của họ về rừng, sông ngòi và thiên nhiên rất sâu rộng. Trước đây người Brâu thường sinh sống ở những khu vực rừng già giàu động, thực vật, nhưng lại nằm trong khu vực kém phát triển về mặt xã hội của cả hai nước Lào và Campuchia (Ironsides and Baird, 2003; Baird, 2008).

1.2. Về nhân khẩu học

Dân số người Brâu khoảng 60.000 người. Trong đó, khoảng một nửa dân số người Brâu sống ở Lào, nửa còn lại ở Campuchia và một làng Brâu ở Việt Nam. Ngoài ra, các nhà khoa học còn cho rằng, có một cộng đồng người Brâu ở Thái Lan. Đó là hàng nghìn người Brâu

⁴ Ví dụ, trên núi La Beu thuộc tỉnh Ratanakiri (Campuchia), có một cánh đồng cỏ tự nhiên rộng lớn mà người Kreung cho rằng từng là nương rẫy của Groong. Ngoài ra, còn có một tảng đá lớn gần biên giới Lào - Campuchia mà người Brâu tin rằng trước đây nó rất mềm, em trai của Groong là Yoong đã ăn tảng đá. Vì vậy, họ gọi nó là "tamaw Yoongja" (hòn đá mà Yoong đã ăn),...

trong lịch sử đã bị bán sang Thái Lan làm nô lệ và một bộ phận người Brâu đã di cư qua sông Mê Kông vào vùng đông bắc Thái Lan trong những thập kỷ gần đây vì muốn từ bỏ vùng rừng núi cao để đến vùng cao nguyên thấp hơn. Tuy nhiên, đến nay chưa có ai điều tra, nghiên cứu và cũng không chắc chắn rằng giờ đây họ có còn là một cộng đồng riêng biệt hay không.

Hiện tại, người Brâu tập trung sinh sống tại các tỉnh Attapeu, Champasak (Lào) và Stung Treng, Ratanakiri (Campuchia). Ở Lào, ước tính có khoảng 61 làng có đa số người Brâu (51 làng ở tỉnh Attapeu và 10 làng ở tỉnh Champasak). Ở Attapeu, khoảng một nửa số làng người Brâu nằm ở huyện Phou Vong, số còn lại ở các huyện Samakhixay, Xaysettha, Sanxay và Sanamxay. Ở Campuchia, có khoảng 119 làng có đa số người Brâu sinh sống (105 làng ở tỉnh Ratanakiri, 14 làng ở tỉnh Stung Treng). Ngoài ra, còn có một số làng Brâu ở tỉnh Mondolkiri. Tại Ratanakiri, người Brâu cư trú tập trung ở các huyện Taveng, O Chum, Veun Say, Kon Mum, Lorn Phat và Banlung (Baird, 2008, tr. 73-74).

1.3. Về các nhóm địa phương

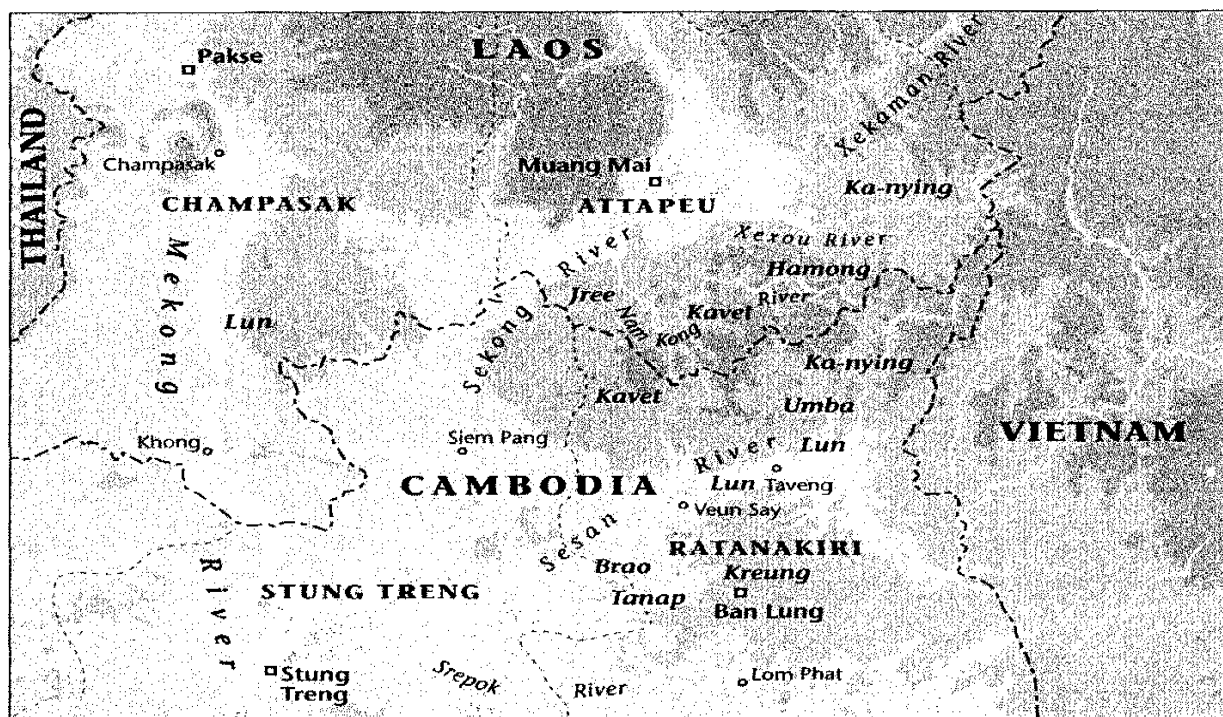
Người Brâu sống ở vùng núi giữa trung lưu các sông Sesan, Xekaman và Sekong. Nhóm Hà lãng giáp họ ở phía đông và tộc người Gia Rai ở phía đông nam. Brâu không phải là tộc người thuần nhất mà chia thành nhiều phân nhóm khác nhau. Các phân nhóm Brâu ở Lào bao gồm người *Jree*, *Hamong*, *Ka-nying*, *Kavet* và *Lun* và ở Campuchia gồm người *Kavet*, *Umba*, *Kreung*, *Brâu Tanap* và *Lun*. Trong số đó, nhiều nhóm nhỏ như Brâu Tanap, Umba (Campuchia) và Hamong, Ka-nying, Kavet, Jree, Lun (Lào) chưa được Chính phủ các nước này công nhận. Ở Việt Nam, có một làng người Brâu thuộc nhóm *Ka-nying*.

Cần nói thêm về nhóm Brâu có liên quan đến Việt Nam gồm Ka-nying và Brâu Tapnap. Về lịch sử, nhóm Ka-nying cư trú ở phía đông của người Hamong và Umba, phía tây của các nhóm dân tộc Keuyawng, Xơ Đăng và Gia Rai. Họ chủ yếu sống ở Campuchia gần suối Ka-nying, một nhánh của sông Trabok. Ở Lào có 10 làng người Ka-nying chiếm đa số (7 làng ở huyện Phou Vong và 3 làng ở huyện Xaysettha) và một số làng khác có rải rác người Ka-nying sinh sống. Trong đó, một số người Ka-nying ở Campuchia đã di tản sang Lào và Việt Nam vào đầu những năm 1970 do máy bay Mỹ oanh tạc dữ dội gần các ngôi làng cũ của họ.

Người Brâu Tanap (hay Brâu vùng đất thấp) sống ở Campuchia, phía tây nam nhóm Kreung, phía tây người Tampuon, phía đông nam người Lào và phía đông người Khmer. Có 28 làng có đa số người Brâu Tanap ở các xã Teun, Cha-Ung, Taong, Labang 1, Labang 2, Kachaign và Khamphu ở Campuchia. Trên thực tế, nhiều người Brâu Tanap tự nhận mình là Kreung trong thời kỳ Khmer Đỏ để tách ra khỏi nhóm lớn Brâu, tránh những liên quan phiền phức. Trong số này, có những người chạy trốn sang Việt Nam và Lào vào năm 1975 từ các huyện Taveng và phía đông Veun Say ngày nay. Tên Kreung vẫn được người Brâu Tapnap giữ nguyên, thậm chí nhiều năm sau khi kết thúc thời kỳ Khmer Đỏ. Ngoài ra, còn có người Brâu Tanap sống xen kẽ ở nhiều làng Brâu khác. Ở Lào không có nhóm Brâu Tapnap (Baird, 2008, tr. 73 - 80).

Các nhóm Brâu khác nhau tuy có một số đặc điểm chung nhưng áp dụng những “đấu hiệu” văn hóa khác nhau để phân biệt, trong đó có phương ngữ, nghi lễ hiến tế, tổ chức không gian sinh sống, nhà cửa,...

Bản đồ 1: Phân bố các nhóm Brâu chính ở Lào và Campuchia trong thập niên 1950



Nguồn: Bản đồ 3.1. Phân bố các nhóm Brâu chính trong những năm 1950 (Baird, 2008, tr. 75).

1.4. Về tên gọi

Có nhiều cách gọi khác nhau cho người Brâu như “Brou”, “Brao”, “Prov”,... Chính phủ Lào gọi tộc người này là “Brao”, Chính phủ Campuchia gọi là “Prov”, Chính phủ Việt Nam gọi là “Brâu”. Các quan chức thực dân Pháp trước đây gọi người Brâu ở Lào và Campuchia là “Mọi”, một cách nói miệt thị đối với người dân vùng cao và dùng thuật ngữ “người Thượng” để chỉ các dân tộc ở Tây Nguyên của Việt Nam, trong đó có người Brâu.

Ở Lào, người Brâu thường tự nhận mình là “Brao”, nhưng người Lào thường gọi họ bằng từ “Lave” mang tính miệt thị. Cách gọi này có thể bắt nguồn từ chữ “ve” trong tiếng Lào, hoặc mang ý nghĩa “dừng lại trong một thời gian ngắn”, tức ám chỉ sự di chuyển thường xuyên qua các nương rẫy và các khu định cư theo tập quán của người Brâu. Những người nói tiếng Thái (Lào và Xiêm) sử dụng từ “Kha” để chỉ những người nói tiếng Môn - Kơ-me ở vùng núi, bao gồm người Brâu. Thuật ngữ này thường được cho là để chỉ “nô lệ”, mặc dù ý nghĩa ban đầu rất khác. Dù thế nào đi nữa, người Brâu cũng không thích từ Kha hoặc những

từ ngữ miệt thị liên quan như Kha Lave, Kha Kheo Rian (Kha mài răng), Kha Kheo Tat (Kha bị cụt răng) và Kha Sam Kha (Kha có ba chân, ám chỉ việc họ đóng khố). Người Brâu ở Lào đôi khi được gọi một cách lịch sự hơn là “Lao Theung” (nghĩa đen là “Lào thượng” trong tiếng Lào), một thuật ngữ được sử dụng để chỉ nhóm nói tiếng Môn - Khơ-me vào đầu thế kỷ XX.

Ở Campuchia, người Brâu thường tự nhận mình là “Brao” và không bao giờ tự nhận là “Lave”. Người Brâu ở Campuchia thường được xác định bằng cách sử dụng tên nhóm địa phương của họ. Ví dụ, ở Campuchia những người thuộc nhóm “Kavet”, “Kreung” hầu như không bao giờ tự nhận mình là “Brao” mà gọi tên theo nhóm địa phương đó. Tuy nhiên, những người lớn tuổi của cả hai nhóm này đã xác nhận rằng họ từng được biết đến với cái tên “Brao”. Tình hình với nhóm “Brao Tanap” - “*vùng đất thấp*” phức tạp hơn. Nhiều người trong thế hệ trẻ hiện tự nhận mình là “Kreung” và chỉ những người lớn tuổi mới tự nhận mình là “Brao” hoặc “Brao Tanap”, có nghĩa là người Brao vùng đất thấp.

Cùng với các dân tộc Nam Á và Nam Đảo khác trong khu vực, người Brâu được gọi là “Chun Chiet” (cách gọi này thường được sử dụng ở vùng Đông Bắc Campuchia như một dạng viết tắt của Chun Chiet Pheak Tech - nhóm dân tộc nguyên thủy) hoặc “Khmer Leu” (nghĩa đen là người Khmer vùng cao). Gần đây nhất, các tộc người thiểu số tại chỗ ở Campuchia ngày càng tự nhận mình là “Chun Chiet Deum Pheak Tech” hoặc là “Khmer Deum” (có nghĩa là người nói tiếng Khmer gốc hoặc tiếng Khmer cổ). Đối với người Khmer, hầu hết họ chưa bao giờ nghe nói đến người Brâu hay bất kỳ nhóm dân tộc tại chỗ nào khác được tìm thấy ở Stung Treng và Ratanakiri, mà thay vào đó họ gọi chung tất cả những người này là “*Phnon*”. Đây cũng là thuật ngữ mà người Khmer dùng để gọi dân tộc Mnông hay người Bunong ở tỉnh Mondolkiri. Người Khmer đôi khi còn gọi người vùng cao là “Samre”. Cả “Phnong” và “Samre” đều là những từ miệt thị (Anonymous, 2004; Baird, 2008, tr. 69, 70).

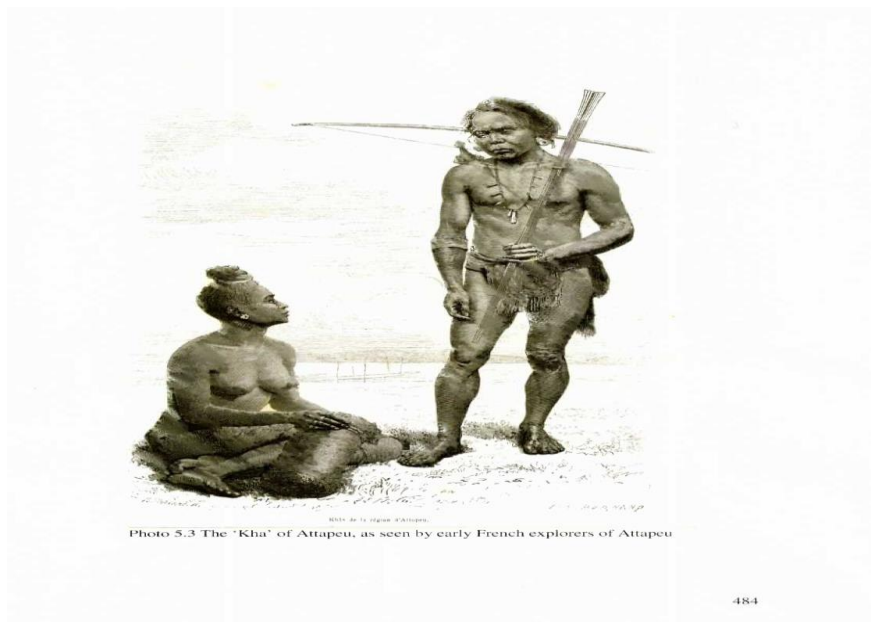
1.5. Về đặc điểm nhận diện

Trong lịch sử, cả nam và nữ người Brâu đều để tóc dài và buộc đuôi ngựa, mài răng cửa, xăm mặt và trán ở tuổi dậy thì, đồng thời tạo những lỗ lớn trên da tai để nhét “nút” ngà voi. Đàn ông đóng khố, mang nỏ và dao lớn, trong khi phụ nữ đeo nhiều lớp vòng cổ, quần vải quanh người và thường để ngực trần. Cả phụ nữ và nam giới có tập quán hút thuốc lá sợi bằng tấu. Sau khi Lào và Campuchia giành được độc lập từ người Pháp, chính quyền các nước đều khuyến khích nam giới cắt tóc ngắn, thay đổi ngoại hình để phù hợp với số đông. Đó là nguyên nhân không còn đàn ông Brâu để tóc dài, mặc dù vẫn có thể tìm thấy một số ông già, phụ nữ với khuôn mặt đầy hình xăm, hàm răng được mài và da tai có lỗ lớn, di sản của những dấu ấn văn hóa khi họ còn trẻ (Baird, 2008, tr. 10 - 11).

1.6. Về ngôn ngữ

Những người ngày nay tự nhận mình là “Brao” thường được các nhà ngôn ngữ học, dân tộc học coi là nói nhiều phương ngữ khác nhau của “Brao”, trong đó có ngôn ngữ Nam Á thuộc nhánh Tây Bahnaric của ngữ hệ Môn - Khmer.

Ảnh 1: Nam, nữ người Brâu thời kỳ đầu thuộc địa



Nguồn: Ảnh 5.3. Hình ảnh người Kha ở tỉnh Attapeu được các nhà thám hiểm Pháp thời kỳ đầu thuộc địa ghi lại (Baird, 2008, tr. 484).

1.7. Về tổ chức không gian sinh sống

Người Brâu ở Lào, Campuchia tổ chức cuộc sống của mình theo đơn vị làng (*shrook*). Các làng đều có ranh giới, có từ một đến vài cổng làng. Làng của họ bao gồm đất sản xuất, những ngôi nhà trong làng của người dân (*hnam shrook*), ngôi nhà chung của cộng đồng ở trung tâm (*rang*), và các vựa lúa (*nook*) - thường nằm ở các khu vực nương rẫy bên ngoài khuôn viên làng. Trong lịch sử, các làng Brâu đều được tổ chức theo vòng tròn đồng tâm, các ngôi nhà được sắp xếp kiểu các bánh xe xung quanh một ngôi nhà chung ở trung tâm. Ngoài ngôi nhà cộng đồng này còn có những ngôi nhà thờ chung của các dòng họ (*gran*). Chẳng hạn, làng Phon Sa-at (Lào) chia thành 8 nhóm theo dòng họ, có nhóm với hàng chục hộ gia đình, nhưng có một nhóm chỉ gồm 2 hộ gia đình. Theo đó, 7 nhóm có nhà thờ họ và 1 nhóm không có. Các nhà thờ họ chỉ dành cho những người thuộc về từng nhóm, cùng thờ chung một ông tổ. Cho đến nay, làng Phon Sa-at là một trong số ít các làng giữ được mô hình truyền thống này. Nhiều làng Brâu ở cả hai nước Lào và Campuchia vẫn tổ chức những nghi lễ theo nhóm, ngay cả khi họ không có nhà thờ họ (Baird, 2008, tr. 111, 119).

Hiện nay, nhiều làng người Brâu được tổ chức thành hàng dài, gồm những ngôi nhà nằm ở hai bên đường, nhưng vẫn còn một số làng hình tròn. Người Brâu cho rằng, làng hình tròn giúp tăng cường sự đoàn kết cộng đồng, thúc đẩy sự tham gia của các gia đình vào hoạt động chung, và quan trọng đối với an ninh, phòng thủ của làng. Theo nhiều trưởng lão người Brâu thì khi có xung đột, những làng hình tròn đặc biệt có lợi thế về phòng thủ trước các cuộc

tấn công của làng lân cận, những kẻ cướp bóc nô lệ hay của thú dữ trong rừng (hổ, báo, gấu). Các làng Brâu thường được xây dựng ở trung tâm vùng bụi rậm không thể xuyên thủng, có khả năng phòng thủ rất tốt. Ngoài ra, những ngôi làng hình tròn còn giúp cho các con đường từ nhà đến rẫy không cắt nhau. Với một ngôi làng dài, mọi người thường xuyên đi qua cửa nhà của nhau, gây ra những điều cấm kỵ khi đi săn.

Ngoài việc tổ chức các làng theo vòng tròn đồng tâm và theo hàng dài, các làng đôi khi được tổ chức theo cách khác mà người Brâu gọi là “shrook thalana”. Những ngôi làng đó có phần hơi tròn, nhưng không được sắp xếp theo cùng một cách. Có thể có một con đường đi qua giữa những ngôi làng này và ở Campuchia thì làng Khuan và Phak Nam là những ví dụ điển hình về kiểu làng đó. Ngoài ra, một hình dáng ngôi làng khác được gọi là “shrook pra troong”. Thuật ngữ này đề cập đến những ngôi làng thuôn dài, trong đó những ngôi nhà nằm ở hai bên đường là một kiểu loại. Làng Teun và Kambak ở Campuchia là những ví dụ điển hình (Baird, 2008, tr. 111-116).

Thời gian sống trong làng của các nhóm Brâu cũng khác nhau. Cụ thể, người Brâu ở phía nam sông Sesan, bao gồm cả người Kreung và người Brâu Tanap, thường không để làng của họ bị bỏ trống trong thời gian dài. Họ thậm chí còn có một điều cấm kỵ đặc biệt là không được rời khỏi làng của mình trong hơn một vài ngày. Tuy nhiên, đối với người Brâu ở phía bắc sông Sesan, các làng thường chỉ có người ở trong một hoặc hai tháng trong mỗi năm, từ khoảng tháng 12 đến tháng 2, khi kết thúc mùa vụ nông nghiệp. Sau khi ở làng vài tháng, các gia đình lại trở về nương rẫy. Nguyên nhân người Brâu ở phía bắc sông Sesan ở làng trong thời gian ngắn hơn do chất lượng đất của họ xấu so với miền nam. Ví dụ, người Brâu phía nam thực hiện du canh du cư trên đất đỏ phù sa có thể kéo dài được bảy năm liên tiếp, trong khi trên mảnh đất phía bắc sông Sesan, việc canh tác chỉ được một năm hoặc nhiều nhất là hai năm. Do sống du canh, du cư nên người Brâu thường quan tâm đến rừng, với làng mạc họ lại ít dành sự chú ý, họ bỏ làng đi nếu xảy ra những biến cố, và toàn bộ dân làng cùng di dời (Baird, 2008, tr. 110).

1.8. Về kinh tế

Trong lịch sử, người Brâu hầu như đều là những người du canh du cư. Trồng trọt của người Brâu thường bắt đầu bằng việc xác định diện tích rừng để làm rẫy. Khi chọn được khu vực thích hợp, cả nam và nữ đều chặt bỏ những bụi cây thấp. Bước tiếp theo, vào tháng 2 hoặc tháng 3, chủ yếu là nam giới chặt cây lớn hay những bụi tre lớn ở khu vực làm rẫy. Sau một thời gian (đến cuối tháng 3 hoặc tháng 4), cây chặt đã khô thì đốt rẫy. Đốt xong, người ta dọn dẹp những chỗ cháy chưa hết. Gỗ và củi được chất thành đống ở những nơi khác nhau và đốt tiếp rồi rải tro khắp rẫy. Khi rẫy đã được chuẩn bị xong vào tháng 4 hoặc tháng 5 và mưa xuống thì quá trình trồng trọt bắt đầu. Lúa rẫy là cây trồng chủ yếu ở vùng cao. Tuy nhiên hiện nay nhiều người, nhiều vùng đã chuyển sang trồng lúa nước, vừa là loại hình nông nghiệp chính, vừa để giảm du canh du cư.

1.9. Về đời sống văn hóa, xã hội, tín ngưỡng

Người Brâu chưa bao giờ sống biệt lập. Từ lâu họ đã sống liền kề và tiếp xúc với một số nhóm dân tộc khác, bao gồm người Khmer, Lào, Tampuon, Triang (Talieng), Jru Dak (Sou), Keuyawng (Koyong), Xơ Đăng và Gia Rai. Những mối quan hệ này rất quan trọng đối với việc hình thành bản sắc Brâu. Họ có nhiều đặc điểm văn hóa chung với các dân tộc nêu trên.

Mối quan hệ xã hội của người Brâu với các tộc người khác không bình đẳng. Trong lịch sử từ đầu thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, người Brâu đã trở thành đối tượng săn lùng, bị bắt làm nô lệ cho người Xiêm, Lào, Gia Rai, Xơ Đăng,... Người già Brâu ở Taveng vẫn kể những câu chuyện về sự hung hãn của người Gia Rai trong việc tấn công, bắt họ làm nô lệ. Để phòng thủ, toàn bộ cây cối xung quanh làng Brâu đều bị đốn hạ đổ rạp xuống, nhưng vẫn còn dính với gốc cây. Sau đó, họ tạo ra một loạt đường hầm xuyên qua những thân cây đổ để có thể trốn thoát khỏi những kẻ truy đuổi bằng cách chạy qua mê cung bụi rậm, vì những kẻ truy đuổi không biết đường để theo họ ra ngoài. Một số nô lệ bị bắt được sử dụng để cống nạp, và khi có quá nhiều sẽ bị bán hoặc đổi lấy những món đồ có giá trị như công chiêng,... Các địa điểm như Attapeu, Siem Pang và Stung Treng đều là những trung tâm buôn bán nô lệ để đưa tới Bangkok, Phnom Penh và thậm chí tới Myanmar. Bên cạnh đó, người Brâu chịu định kiến là dân tộc thấp kém, nghèo khổ, từ các tộc người đa số như Lào, Khmer. Chính vì vậy, ở Campuchia hiện nay, văn hóa và ngôn ngữ Khmer đang trở nên có ý nghĩa đối với thế hệ trẻ ở một số vùng Brâu (Ironsides and Baird, 2003, tr. 23-24; Baird, 2008, tr. 97, 148-150).

Về tín ngưỡng, mối quan hệ đặc biệt giữa người Brâu với thiên nhiên và các linh hồn là hai yếu tố quan trọng gắn kết họ trong một thế giới chung của người vùng cao, hoàn toàn khác với người Khmer, Lào ở vùng thấp. Người Brâu ở Lào và Campuchia phần lớn theo thuyết vật linh, tin vào nhiều loại linh hồn khác nhau, bao gồm linh hồn tổ tiên, linh hồn nhà. Những linh hồn này trú ngụ ở nhiều nơi trong tự nhiên, như rừng, cây, tảng đá lớn, thác ghềnh lớn, thác nước và những cảnh quan, địa điểm thiên nhiên nổi bật hoặc khác thường. Do đó, các linh hồn rất quan trọng trong việc tạo dựng vị trí của người Brâu. Các linh hồn lại thường xuyên đòi hỏi phải được cúng tế. Vì vậy, để xoa dịu linh hồn, các nghi lễ thường xuyên diễn ra và có sự khác biệt đáng kể về cách thực hành giữa các nhóm nhỏ, thậm chí giữa các cộng đồng Brâu được coi là giống nhau. Những nghi lễ này thường đòi hỏi phải hiến tế các vật nuôi, chủ yếu là gà, lợn và trâu, nhưng đôi khi cũng có bò, dê và vịt. Con vật bị hiến tế càng lớn thì linh hồn liên quan đến một căn bệnh hoặc bất hạnh cụ thể nào đó sẽ càng có cơ hội được xoa dịu. Trâu hiến tế được coi là loại lễ vật quan trọng và cuộc hiến tế này là lớn nhất của hầu hết người Brâu và các nhóm vùng cao lân cận khác. Một số nhóm người Jree lại cho rằng họ không có truyền thống hiến tế trâu; thay vào đó, họ coi hiến tế lợn là nghi thức lớn nhất. Trước đây, một số nhóm người Brâu ở vùng núi không nuôi trâu do môi trường không phù hợp. Thay vào đó, họ đổi lấy trâu khi cần (Baird, 2008, tr. 81, 87).

1.10. Ảnh hưởng của cuộc chiến tranh Đông Dương

Do nằm trong khu vực của cuộc chiến tranh Đông Dương nên người Brâu bị thiệt hại nặng nề. Nhiều người Brâu ở Lào, Campuchia đã ủng hộ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Khi chiến tranh biên giới Tây Nam do Khmer Đỏ gây ra, những người Brâu được cho là thân Việt Nam đã trở thành mục tiêu của các cuộc thanh trừng và hành quyết của Khmer Đỏ. Nhóm Brâu đầu tiên chạy trốn sang Việt Nam từ tỉnh Ratanakiri là người Brâu Umba của bản Bong thuộc xã Trabok, huyện Veun Say, nay thuộc xã Taveng Leu, huyện Taveng. Tổng cộng đã có hơn 5.000 người Brâu Campuchia trốn sang Việt Nam và Lào vào năm 1975. Ở Việt Nam, có 7 làng Brâu chạy sang cư trú. Hầu hết họ ở lại Lào và Việt Nam cho đến năm 1983 mới rời về Campuchia (Ironsides and Baird, 2003, tr. 28; Baird, 2008, tr. 189, 238).

1.11. Một số biến đổi sau năm 1975

1.11.1. Nông nghiệp

Du canh du cư trong lịch sử là hình thức nông nghiệp chính của người Brâu và các nhóm vùng cao khác ở Lào và Campuchia. Kể từ năm 1975, chính phủ các nước đã ban hành các chính sách giảm mạnh hoặc xóa bỏ tình trạng du canh du cư. Cụ thể, từ năm 1975 đến 1976, Chính phủ Lào đã có chính sách tái định cư quy mô lớn đối với người Brâu đến vùng đất thấp. Khoảng 11.000 người ở phía đông tỉnh Attapeu được tái định cư ở vùng đồng bằng (thuộc huyện Sanamxay và Xaysettha) và hầu hết là người Brâu ở huyện Phou Vong ngày nay. Lý do Chính phủ đưa ra cho những đợt di dời này là để phát triển đất lúa nước vùng thấp thay cho du canh du cư và khuyến khích người dân tham gia xây dựng đất nước Lào mới thành lập. Các hợp tác xã được xây dựng ở Boung Vay (huyện Xaysettha), ở phía đông sông Sekong thuộc huyện Samakhixay,... Tuy nhiên, từ năm 1984 - 1985, khoảng 5.000 người đã tự ý trở về làng cũ ở Phou Vong.

Sau năm 1986, Chính phủ Lào tiến hành cải cách kinh tế, xóa bỏ kinh tế tập thể trong nông nghiệp và cho phép kinh tế hàng hóa phát triển. Sau năm 1990, một số lượng lớn các tổ chức phát triển quốc tế bắt đầu đến Lào. Có khoảng 45 tổ chức quốc tế và ít nhất 63 tổ chức phi chính phủ quốc tế (NGO) đang hoạt động tại Lào, trong đó 12 tổ chức đang làm việc ở tỉnh Attapeu và 7 tổ chức ở huyện Phou Vong - huyện duy nhất ở Lào có dân số chủ yếu là người Brâu.

Ở Campuchia, Khmer Đỏ bắt đầu thúc đẩy nông nghiệp lúa nước định canh định cư ở phía đông bắc. Trên thực tế, nhiều người dân vùng cao đã được hướng dẫn mở rộng ruộng lúa và xây dựng các dự án thủy lợi từ năm 1971 và 1972, nhưng vào năm 1973, Khmer Đỏ trở nên kiên quyết hơn trong việc di chuyển người Brâu đến những nơi được cho là thích hợp để phát triển lúa ở vùng đồng bằng. Hầu hết người dân đã phải từ bỏ nương rẫy để tập trung vào trồng lúa nước ở vùng thấp. Đến năm 1974 - 1975, hợp tác xã nông nghiệp bắt đầu được thành lập, khoảng 7.000ha lúa nước được canh tác ở Ratanakiri. Những năm 1980, một số

người dân vùng cao tiếp tục canh tác lúa nước ở vùng đất thấp, nhưng hầu hết đã quay trở lại làm nông nghiệp nương rẫy, từ bỏ ruộng nước. Đến giữa những năm 1990, tình hình an ninh được cải thiện ở phía đông bắc Campuchia đã cho phép người Brâu sống dọc theo sông Sesan bắt đầu quay trở lại các mảnh nương rẫy của họ ở phía bắc. Nhưng sau đó, do lo ngại mối đe dọa từ Khmer Đỏ, Chính phủ Campuchia đã khuyên người dân không nên di chuyển về phía bắc và sử dụng viện trợ nước ngoài xây dựng trường học, cung cấp trâu, máy xay lúa, thành lập Vườn quốc gia Virachey vào năm 1993 để giữ họ ở lại đồng bằng (Baird, 2008, tr. 217-218, 255, 325).

1.11.2. Tín ngưỡng

Sau năm 1975, Chính phủ Lào có chính sách hạn chế người Brâu thực hiện các nghi lễ vật linh, hiến tế. Ở Campuchia, Khmer Đỏ tăng cường lệnh cấm thực hành tôn giáo ở vùng cao, bao gồm tịch thu trâu, bò, voi, công chiêng và ché đựng rượu. Chiêng được dùng để làm đạn, cấm người dân sở hữu tài sản vật chất và uống rượu cần vì bị coi là lãng phí. Khmer Đỏ muốn Khmer hóa người dân, cấm họ mặc trang phục truyền thống, đeo đồ trang sức sắc sỡ; bác bỏ những điều cấm kỵ của người vùng cao, bắt họ đi vào những khu rừng cấm và ăn những thực phẩm mà trước đây bị cấm đoán (Baird, 2008, tr. 236-237, 241, 263).

Sau khi ông Heng Samrin được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia tại Đại hội Đảng khóa IV và V (tháng 12/1981- tháng 10/1985), ở vùng Brâu, người dân không còn bị cấm nói ngôn ngữ của họ hoặc thực hiện các nghi lễ vật linh, họ được phép sống theo lối sống truyền thống, bao gồm cả việc làm nông nghiệp du canh. Chính phủ quan tâm đến việc giữ gìn hạnh phúc cho người dân và yêu cầu họ không gia nhập Khmer Đỏ. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các nghi lễ vật linh đã bị bỏ rơi hoặc giảm tầm quan trọng và tần suất thực hành.

Năm 1990, Campuchia thông qua hiến pháp mới cho phép tự do tôn giáo, do đó mở ra cơ hội cho các nhà truyền giáo nước ngoài tự do truyền đạo. Theo đó, một số vùng Brâu ở Campuchia đã cải đạo theo Tin lành. Hơn 200 người Brâu (lúc cao điểm từ 500 - 1.000 người) chủ yếu là giới trẻ, người có hoàn cảnh khó khăn, ốm đau, bệnh tật..., đã theo đạo Tin lành ở tỉnh Ratanakiri, chiếm khoảng 1% dân số Brâu ở phía đông bắc Campuchia. Từ đó, xung đột trong nội bộ cộng đồng Brâu có người theo và không theo Tin lành đã diễn ra. Những người Brâu theo tín ngưỡng truyền thống đã đuổi những người theo đạo ra sống ở rìa làng, không cho những người truyền đạo vào làng, cấm nhân viên của các tổ chức giáo dục phi chính phủ lợi dụng việc dạy chữ để truyền đạo.

Ở Lào, một số người dân vùng cao đã cải đạo sang Công giáo từ thời Pháp thuộc. Tổ chức làng vẫn giữ nguyên theo mô hình vòng tròn của người Brâu, nhưng nhà rông cũ đã mất đi, thay vào đó, nhà thờ Công giáo nằm ở trung tâm ngôi làng, tiếp quản không gian thiêng liêng và quyền lực về mặt nghi lễ. Trong làng, những người theo đạo có xu hướng sống tập trung về một phía của làng (Baird, 2009). Hiện nay, qua điều tra ở làng Đắc Mế, những người Brâu Lào đang sống tại đây cho biết, nhiều người Brâu bên Lào đã cải đạo theo Phật giáo.

1.11.3. Tổ chức lại mô hình làng bản

Từ năm 2002, việc hợp nhất các làng đã gia tăng ở miền Nam Lào, trong đó có vùng người Brâu. Năm 2004, Chính phủ Lào ban hành quy định: các thôn ở vùng thấp không được ít hơn 500 người và các thôn vùng cao không được dưới 200 người. Điều này có tác động mạnh mẽ đến các cộng đồng Brâu trên khắp nước Lào (Baird & Shoemaker, 2005; 2007). Đối với người Brâu, làng của họ trước đây thường dưới 200 người, nhưng ngày nay đã đông hơn nhiều. Những người từ các làng và dân tộc khác nhau được đưa vào cùng một không gian tái định cư. Sự thay đổi không gian này dẫn đến tiếp biến văn hóa và làm mất đi việc sử dụng các ngôn ngữ thiểu số, góp phần vào sự đồng hóa người Brâu và làm suy giảm văn hóa truyền thống, đặc biệt trong trường hợp họ bị phân bổ vào các làng của dân tộc Lào.

Cùng với việc di dời về đồng bằng, tổ chức lại quy mô làng bản, chuyển mô hình sản xuất sang trồng lúa nước, Chính phủ còn triển khai xây dựng các gia đình văn hóa, làng văn hóa. Điều kiện đầu tiên để trở thành “Gia đình văn hóa” là phải có nhà riêng, từ bán kiên cố trở lên (từ bỏ cách làm nhà truyền thống như khi sống trên núi); các thành viên trong gia đình phải có nghề nghiệp ổn định; gia đình phải sống trong sạch, không tin vào mê tín dị đoan,... Tương tự, định danh cho “Làng văn hóa” là làng phải bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của địa phương. Ở trong làng, niềm tin vào thuyết vật linh phải bị loại bỏ. Chính vì vậy, văn hóa truyền thống của người Brâu suy giảm nhanh chóng (Baird, 2008, tr. 274, 291-294).

Việc xây dựng Quốc lộ 18B xuyên vùng núi xa xôi về phía đông tới Kon Tum (Việt Nam) cũng là một trong những nguyên nhân làm thay đổi không gian quan trọng ở người Brâu, đặc biệt là Brâu Ka-nying ở huyện Xaysettha và Phou Vong. Thứ nhất, khả năng tiếp cận Xaysettha và phía bắc huyện Phou Vong tới thủ phủ tỉnh và thậm chí cả Pakse và Viêng Chăn đã tăng lên rất nhiều. Thứ hai, việc xây dựng con đường đã được lồng ghép vào kế hoạch tái định cư nội bộ của Chính phủ Lào và do đó đã có những nỗ lực di chuyển các thôn Brâu ra cạnh con đường. Một trong những mục đích chính của con đường này là phát triển “Hành lang kinh tế Đông Tây” nối Thái Lan với các cảng nước sâu ở Đà Nẵng, Dung Quất và Quy Nhơn ở miền Trung Việt Nam qua Nam Lào. Vào tháng 7 năm 2004, giai đoạn 2 xây dựng Quốc lộ 18B từ km 37 đến km 113 tỉnh Attapeu đến xã Pờ Y, biên giới với Việt Nam khởi công và đã hoàn thành, giao thông trở nên thuận lợi. Tuy nhiên, tuyến đường cũng tạo điều kiện cho việc khai thác sau đó tàn phá nghiêm trọng những khu rừng già cổ thụ của người Brâu (Anonymous, 2000; Baird, 2008, tr. 300-301, 308).

2. Một số vấn đề về người Brâu ở Việt Nam

2.1. Về nguồn gốc lịch sử

Hiện nay, vấn đề nguồn gốc lịch sử của người Brâu ở Việt Nam chưa được nghiên cứu rõ ràng. Cuốn *"Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)"* (Viện Dân tộc học, 2014, tr. 382) và cuốn *"Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân"*

xã Pờ Y (1930-2020), Tập I (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Pờ Y, 2023, tr. 23-24) cho biết: Người Brâu Việt Nam có nguồn gốc từ vùng Ô Tum Nam Lào. Họ sống bên cạnh các con sông Xê Ca Máng và Nậm Khoong (Mê Kông). Tác giả Bùi Ngọc Quang (2017, tr. 1144) cho rằng: “Tổ tiên của người Brâu cư trú ở vùng Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, đại bộ phận hiện nay vẫn cư trú bên lưu vực sông Sekaman (Sê San), Nậm Khoong (Mê Kông)”.

Như vậy, cả ba tài liệu nêu trên đều đề cập tới vùng đất xưa kia người Brâu Việt Nam sinh sống cạnh các con sông nhưng không nêu rõ địa danh cụ thể thuộc đơn vị hành chính nào ngày nay. Trong thực tế, con sông thứ nhất tên gọi Xê Ca Máng là tên phiên âm tiếng Việt của sông Xekaman. Còn việc phiên âm tên gọi sông Sêsan là chưa chính xác bởi Xekaman River (Lào) và Sesan River (Campuchia) là hai con sông khác nhau, nằm ở hai nước khác nhau. Con sông thứ hai, ba tài liệu trên đồng nhất Nậm Khoong là sông Mê Kông. Tra trên bản đồ vệ tinh phân bố các nhóm tộc người Brâu của Baird (2008, tr. 75, 77) cho thấy, Xekaman River nằm gần Xexou River và Namkong River chứ không gần sông Mê Kông và đây là vùng đất của người Ka-nying. Do đó, trước khi di cư sang Việt Nam, người Brâu làng Đắc Mé sống ở vùng đất gần các sông nêu trên, tập trung ở lưu vực sông Xekaman thuộc huyện Sanxay, tỉnh Attapeu, cách cửa khẩu Ngọc Hồi, Kom Tum khoảng 100km.

2.2. Về thời gian di cư sang Việt Nam và địa bàn cư trú

Cuốn sách đã nêu của Viện Dân tộc học (2014, tr. 382) cho rằng thời gian người Brâu từ Lào di cư sang Việt Nam đến thời điểm năm 1978 được khoảng 4-5 thế hệ. Bản thảo cuốn sách của Đảng Bộ xã Pờ Y (2023, tr. 24-25) và bài viết của Bùi Ngọc Quang (2017, tr. 1144, 1146-1147) cho biết, trong quá trình chuyển cư từ Lào đến Việt Nam, người Brâu đã trải qua 5 chặng đường với 5 lần lập làng ở các địa bàn khác nhau của ba nước Lào, Campuchia và Việt Nam, hiện nay đang định cư tại làng Đắc Mé, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Họ di cư sang Việt Nam được khoảng 150-160 năm, tương ứng với 6-7 thế hệ. Tài liệu “Báo cáo tình hình biên giới Việt - Lào - Miên phạm vi lãnh thổ biên giới tỉnh Kon Tum”, ngày 19/01/1969 của Tỉnh ủy Kon Tum⁵ đề cập đến 3 làng chuyển cư từ Lào sang Việt Nam vào thời kỳ kháng chiến chống Pháp, trong đó có một làng Brâu. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa biết cụ thể thời điểm người Brâu di cư đến Việt Nam.

2.3. Về các phân nhóm Brâu ở Việt Nam

Theo tư liệu của Tỉnh ủy Kon Tum năm 1969 nêu trên thì làng Đắc Mé của người Brâu di cư sang Việt Nam vào thời kỳ kháng chiến chống Pháp và theo cách mạng chống lại thực dân Pháp. Ban đầu làng chỉ có vài chục người, dưới sự lãnh đạo của hai thủ lĩnh, cũng là hai anh em tên là Thao A Yoong và Thao Tô. Trên quãng đường di chuyển qua vùng Đông Bắc Campuchia, một số người Brâu Campuchia nhập vào đoàn. Như vậy, có khả năng người Brâu Việt Nam hiện nay không thuần nhất, do đại bộ phận di cư từ Lào sang nhưng trên đường di chuyển qua Campuchia có một số người nhập theo. Bên cạnh đó, trong thời kỳ chống Mỹ cứu

⁵ Ký hiệu văn bản: T8 Chiến Thắng, số 69/VP.

nước, chiến tranh biên giới phía Tây Nam do Khmer Đỏ gây ra và thông qua các mối quan hệ hôn nhân..., một số người Brâu thuộc các nhóm khác nhau đã đến Việt Nam sinh sống. Tuy nhiên, đến nay chưa có điều tra nghiên cứu về vấn đề này.

Việc nắm rõ các nhóm địa phương của người Brâu ở Việt Nam vô cùng quan trọng trong công tác nghiên cứu và bảo tồn văn hóa tộc người. Các nhóm Brâu khác nhau sẽ có những phong tục, tập quán khác nhau rõ rệt. Bên cạnh đó, cần xác định *đặc trưng văn hóa của nhóm Ka-nying* trên các phương diện tổ chức làng bản, văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần và phân biệt với các nhóm Brâu khác như thế nào. Điều này rất quan trọng vì đó là căn cứ để bảo tồn văn hóa người Brâu hiện nay.

2.4. Về đặc điểm nhận dạng

Trong cuốn "*Các dân tộc ở Việt Nam*", Tập 3, Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me (2017), đặc điểm nhận dạng người Brâu không được đề cập. Điều này có lẽ do họ di cư sang Việt Nam đã hơn 100 năm, lại không có chữ viết để lưu giữ. Các trang phục ngày nay của người Brâu thường vay mượn các tộc người sống bên cạnh như Lào, Xơ Đăng (nhóm Ca dong, Hà lảng),... Trên thực tế điều tra, xưa kia người Brâu không có nghề dệt. Theo tư liệu điền dã của tác giả bài viết, trước năm 1990 khi còn ở trong rừng, người Brâu vẫn mặc quần áo làm từ vỏ cây rừng. Đàn bà mặc váy ở trần, đàn ông chỉ đóng khố. Thời xa xưa, cả nam và nữ người Brâu để tóc dài, buộc đuôi ngựa. Đặc biệt, môi trường sống ở trong rừng rất ẩm ướt nên người Brâu rất giỏi đi bằng cà kheo. Mỗi khi có mưa lớn, họ di chuyển từ nhà riêng đến nhà rông và qua các nhà khác bằng cà kheo rất điêu luyện. Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập, người Brâu đã mặc quần áo và để tóc như người Kinh, còn bộ quần áo truyền thống hiện nay giống với trang phục của người Xơ Đăng.

- Về dân số

Khi di cư sang Việt Nam, người Brâu chỉ có vài chục người, tức một nhóm gia đình, họ hàng, không phải là một làng của người Brâu bị mai một về dân số hay bản sắc văn hóa nên chính quyền cần bảo tồn đúng cách, không nên vội vã cho rằng tộc người này suy giảm dân số và ồ ạt đầu tư khi chưa có sự nghiên cứu kỹ lưỡng. Trên thực tế, từ năm 1992 đến nay, người Brâu và Rơ Măm được Nhà nước đầu tư rất nhiều vì lo sợ họ "tuyệt chủng". Nhiều chính sách, các cơ quan ban ngành chú ý đến tộc người này, vô hình trung gây nên sự bất bình đẳng với các dân tộc khác. Hiện nay, dân số người Brâu là 558 người và có tốc độ phát triển dân số bình thường. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở chỗ, một số dân tộc sống xen cài cùng người Brâu ở Đăk Mế như Mường, Thái, Nùng, Kinh..., có chủ đích thông qua hôn nhân để được hưởng những trợ cấp và chính sách ưu đãi xã hội. Các hộ gia đình Brâu gốc còn lại không nhiều.

- Về kinh tế

Cũng giống như người Brâu ở Lào và Campuchia, hiện nay người Brâu ở Việt Nam đã được chính quyền địa phương chuyển về vùng thấp để sinh sống. Những biến đổi về môi trường sống và mô hình kinh tế mới khiến họ gặp rất nhiều khó khăn, bởi họ là một tộc người

quen cư trú ở vùng núi. Mặc dù Nhà nước đã đầu tư rất nhiều cơ sở hạ tầng, trợ cấp nhiều tiền và hiện vật, nhưng dường như người Brâu chưa thích ứng được không gian sống ở đây. Bằng chứng là nhiều gia đình bán đất sản xuất, bán nhà cho người Kinh, Mường, Thái..., để lùi sâu vào rừng làm nương rẫy, săn bắt, hái lượm. Một bộ phận giới trẻ học theo cách sống hưởng thụ, ngại lao động, số khác bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội, buôn bán chất cấm phải vào tù. Một số nam giới ham uống rượu, lười lao động. Nền kinh tế hàng hóa đòi hỏi người Brâu phải có tiền để trang trải cuộc sống, trong khi họ không giỏi sản xuất hàng hóa. Chuyển cư xuống vùng thấp không chỉ khiến họ mất đi nơi mà họ thuộc về mà còn mất đi rất nhiều bản sắc văn hóa gắn với núi rừng. Do đó, cần nghiên cứu đánh giá mô hình tái định cư của người Brâu ở Đăk Mế ngày nay.

- Về văn hóa, xã hội

Biến đổi về làng bản, nhà cửa là vấn đề cần chú ý ở người Brâu. Trong các cuốn sách của Viện Dân tộc học vào các năm 1978 (tái bản 2014) và 2017 (đã dẫn), phần viết về dân tộc Brâu không thấy miêu tả nhà cửa khi họ sống trong rừng. Trên thực tế, người Brâu ở Việt Nam có thể có nhiều nhóm và mỗi nhóm có một loại hình nhà điển hình khác nhau, ngay cả khi họ ở chung một làng. Tiếc rằng, ngôi làng truyền thống của họ bị cháy vào năm 1991. Đây cũng là dấu mốc để người Brâu tái định cư tại làng Đăk Mế. Hiện nay, ngôi nhà cộng đồng của người Brâu do Nhà nước xây dựng được một số già làng nhận xét là không giống với nhà rông truyền thống của họ, có tới ba nhà rông (một nhà rông mẹ và hai nhà rông con hai bên). Bên cạnh đó, cần nghiên cứu nhà cửa của người Brâu, chỉ ra đặc điểm của ngôi nhà truyền thống và mối quan hệ giữa con người với ngôi nhà họ đang sinh sống.

Ngoài ra, vấn đề bảo tồn các nhạc cụ, bài hát dân ca, lễ hội..., của người Brâu cũng được đặt ra một cách cấp thiết. Như trên đã trình bày, trong khi bộ phận người Brâu ở Lào và Campuchia bị tác động từ nhiều chính sách của thực dân Pháp và Khmer Đỏ, làm mất đi nhiều giá trị văn hóa vật chất và tinh thần, thì người Brâu ở Việt Nam không quá bị ảnh hưởng bởi các yếu tố này. Tuy nhiên, hiện nay không chỉ chiêng Tha, mà các loại cồng, chiêng khác của người Brâu đã bị bán sang Campuchia và Lào. Số lượng còn lại ở Việt Nam rất ít và chất lượng thấp, trong đó bao gồm cả những bộ chiêng Tha - bộ chiêng quý giá nhất, chỉ có ở người Brâu.

- Về tín ngưỡng

Người Brâu theo tín ngưỡng vật linh, thờ các vị thần thiên nhiên như: thần Trời (A Răk Kre)⁶, thần Nước (A Răk Đạk), thần Núi (A Răk Vôi), thần Đèo (Pôi), thần Đất (Pibre), thần Mưa (Kre Mur), thần Gió (Kà juru)..., và các loại ma như ma bến nước, ma hòn đá, ma rừng, ma ngoài đường, ma nghĩa địa, ma các đồ vật,... Tuy nhiên, hiện nay, phần lớn người Brâu đã chuyển sang làm ruộng nước. Do đó, các nghi lễ nông nghiệp đã bị mai một, như lễ cúng thần Lúa, thần Rừng, thần Kho thóc,... Bên cạnh đó, đô thị hóa và hội nhập đã khiến các tôn giáo

⁶A Răk Kre theo cách gọi của người Kinh là thần Pa Xây.

(Công giáo, Tin lành, Phật giáo) đang dần len lỏi vào cộng đồng Brâu Việt Nam thông qua con đường hôn nhân, quan hệ họ hàng ở Lào, Campuchia, việc đi làm thuê và do cư trú xen cài (ảnh hưởng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên từ người Kinh),... Những biến đổi trên rất cần được nghiên cứu.

- Về mối quan hệ tộc người trong nước và xuyên biên giới

Người Brâu ở Việt Nam là một phần trong tổng thể người Brâu ở Đông Dương. Trong quá trình sinh sống, họ thường xuyên đi lại buôn bán, thăm thân, cùng thực hành các nghi lễ vật linh, tham gia các lễ hội ở Lào và Campuchia. Trong nước, người Brâu có mối quan hệ với các tộc người Mường, Thái, Xơ Đăng, Gia Rai,... Những mối quan hệ trên đây vẫn chưa được nghiên cứu.

Kết luận

Brâu là tộc người sống ở vùng rừng núi biên giới của ba nước Lào, Campuchia và Việt Nam. Người Brâu ở Việt Nam là một bộ phận của người Brâu ở Đông Dương, cuộc sống của họ có nhiều biến động trong lịch sử. Họ mới di cư sang Việt Nam cách đây chưa lâu và hiện vẫn duy trì mối quan hệ khăng khít với đồng tộc ở Lào và Campuchia. Chính vì vậy, để có sự hiểu biết đầy đủ về tộc người này, việc nghiên cứu người Brâu ở Việt Nam không thể tách rời hiểu biết về cộng đồng người Brâu ở Lào và Campuchia.

Từ trước đến nay, các nghiên cứu về người Brâu ở Việt Nam đều mặc định Brâu là tộc người thuần nhất và thường chỉ nghiên cứu họ trong phạm vi Việt Nam. Trên thực tế, người Brâu là tộc người có nhiều nhóm địa phương khác nhau. Mỗi nhóm bên cạnh những đặc điểm chung còn có sự khác biệt đáng kể về văn hóa - xã hội. Chính vì vậy, việc xác định rõ nhóm Brâu ở Việt Nam, đặc trưng văn hóa, xã hội của họ ra sao là rất cần thiết. Bên cạnh đó, các vấn đề về nguồn gốc lịch sử, quan hệ của người Brâu với các tộc người trong nước và quốc tế, đặc trưng văn hóa, xã hội, biến đổi văn hóa, xã hội dưới tác động của đô thị hóa và hội nhập, bảo tồn văn hóa vật chất và tinh thần cho người Brâu..., cần được nghiên cứu cẩn trọng. Đây là cơ sở để nhận diện tộc người này, đồng thời đưa ra những chính sách đúng đắn, hiệu quả, bảo tồn và phát huy được những thế mạnh và khắc phục những điểm yếu của người Brâu trong công cuộc xây dựng đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Anonymous (2000), *Aspects of Forestry Management in the Lao PDR*, Tropical Rainforest Programme, NL, No 5-3, pp. 57-64.
2. Anonymous (2004), *Khmer Loeu*, US Library of Congress, Washington, D.C.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Pờ Y (2023), *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Pờ Y (1930-2020)*, Tập I, Kon Tum.

4. Baird, I. G. and Shoemaker, B. P. (2005), *Aiding or Abetting? Internal Resettlement and International Aid Agencies in the Lao PDR*, Probe International, Toronto, Canada.
5. Baird, I. G. and Shoemaker, B. P. (2007), “Unsettling Experiences: Internal Resettlement and International Aid Agencies in Laos”, *Development and Change*, No. 38 (5), pp. 865-888.
6. Baird, I. G. (2008), *Various Forms of Colonialism: The Social and Spatial Reorganization of the Brao in Southern Lao and Northeastern Cambodia*, The University of British Columbia.
7. Baird, I. G. (2009), “Identities and Space - The Geographies of Religious Change amongst the Brao in Northeastern Cambodia”, *Anthropos*, No. 104 (2), pp. 457-468.
8. Ironside, J. and Baird, I. G. (2003), *Wilderness and Cultural Landscape: Settlement, Agriculture, and Land and Resource Tenure in and Adjacent to Virachey National Park, Northeast Cambodia*, Biodiversity and Protected Area Management Project (BPAMP), Ratanakiri Province, Cambodia.
9. Lao Front for National Construction [LFNC] (2005), *The Ethnic Groups of Lao PDR*, Department of Ethnic Groups. LFNC, Vientiane, Lao.
10. Méry, J. (1959), *History of the Mountain People of Southern Indochina up to 1945*, Washington DC: US Agency for International Development, USA.
11. Nguyễn Thị Ngân, Tô Thị Thu Trang (2009), *Nghiên cứu văn hóa dân tộc Giẻ Triêng, Brâu phục vụ hoạt động Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Thái Nguyên.
12. Bùi Ngọc Quang (2000), *Hôn nhân và gia đình của dân tộc Brâu ở huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Viện Nghiên cứu Văn hóa.
13. Bùi Ngọc Quang (2013), *Hôn nhân và gia đình của người Brâu ở làng Đắc Mé, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum*, Luận án tiến sĩ Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Bùi Ngọc Quang (2017), “Dân tộc Brâu”, trong Vương Xuân Tình chủ biên: *Các Dân tộc ở Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
15. Bùi Ngọc Quang (2021), *Biến đổi hôn nhân và gia đình của người Brâu hiện nay*, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.
16. Viện Dân tộc học (2014, tái bản), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.